

THÔNG TƯ

Hướng dẫn dịch Quốc hiệu, tên các cơ quan, đơn vị và chức danh lãnh đạo, cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị sang tiếng Anh

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2026/QH16 ngày 07 tháng 04 năm 2026 của Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khoá XVI;

Căn cứ Nghị quyết số 178/2025/QH15 ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về việc tổ chức các cơ quan của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 28/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 109/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Lễ tân Nhà nước và Phiên dịch đối ngoại;

Bộ trưởng Bộ Ngoại giao ban hành Thông tư hướng dẫn dịch Quốc hiệu, tên các cơ quan, đơn vị và chức danh lãnh đạo, cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị sang tiếng Anh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về cách dịch Quốc hiệu, tên các cơ quan, đơn vị và chức danh lãnh đạo, cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị sang tiếng Anh.

Điều 2. Cách dịch Quốc hiệu, tên các cơ quan, đơn vị và chức danh lãnh đạo, cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị sang tiếng Anh

1. Cách dịch Quốc hiệu, tên các cơ quan, đơn vị và chức danh lãnh đạo, cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị sang tiếng Anh được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Tên viết tắt theo chữ cái tiếng Anh của các Bộ (ví dụ: tên viết tắt theo chữ cái tiếng Anh của Bộ Ngoại giao là MOFA, Bộ Dân tộc và Tôn giáo là MERA), cơ quan ngang Bộ được viết trên cơ sở thực tế các cơ quan đã sử dụng trong các văn bản tiếng nước ngoài.

3. Đối với tên các cơ quan, đơn vị và chức danh lãnh đạo, cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị không thuộc Phụ lục của Thông tư này, các cơ quan, đơn vị chủ động dịch sang tiếng Anh và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản dịch này.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Ngoại giao và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các cơ quan, đơn vị liên quan liên hệ với Cục Lễ tân Nhà nước và Phiên dịch đối ngoại, Bộ Ngoại giao để tham khảo về cách dịch cụ thể.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 08 năm 2026.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 03/2009/TT-BNG ngày 09 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao hướng dẫn dịch Quốc hiệu, tên các cơ quan, đơn vị và chức danh lãnh đạo, cán bộ công chức trong hệ thống hành chính nhà nước sang tiếng Anh để giao dịch đối ngoại.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Ngô Lê Văn

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại của Quốc hội;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Các đơn vị thuộc Bộ Ngoại giao;
- Các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài;
- Công báo; Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Ngoại giao;
- Lưu: VT, LTPD (....).

Phụ lục

(Kèm theo Thông tư số 05/2026/TT-BNG ngày 30 tháng 05 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao)

1. Quốc hiệu

Tên tiếng Việt	Tên tiếng Anh	Viết tắt tiếng Anh (nếu có)
Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	The Socialist Republic of Viet Nam	SRV

2. Tên của Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương, các cơ quan trung ương tham mưu và đơn vị trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương

Tên tiếng Việt	Tên tiếng Anh	Viết tắt tiếng Anh (nếu có)
Đảng Cộng sản Việt Nam	Communist Party of Viet Nam	CPV
Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam	Central Committee of the Communist Party of Viet Nam	CPVCC
Bộ Chính trị	Political Bureau	
Ủy ban Kiểm tra Trung ương	Commission for Inspection of CPVCC	CCI
Ban Tổ chức Trung ương	Commission for Organization of CPVCC	CCO
Ban Nội chính Trung ương	Commission for Internal Affairs of CPVCC	CCIA
Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương	Commission for Publicity and Mass Mobilization of CPVCC	

Ban Chính sách, chiến lược Trung ương	Commission for Policy and Strategy of CPVCC	CCPS
Văn phòng Trung ương Đảng	Office of the Central Committee of the Communist Party of Viet Nam	CPVCO
Hội đồng lý luận Trung ương	Central Council for Theoretical Studies	CCTS
Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh National Academy of Politics	HCMA
Báo Nhân dân	Nhan Dan Newspaper	ND
Tạp chí Cộng sản	Communist Review	CR

3. Chức danh thuộc Ban Chấp hành Trung ương, các cơ quan trung ương tham mưu và đơn vị trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương

Tiếng Việt	Tiếng Anh
Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam	General Secretary of the Central Committee of the Communist Party of Viet Nam
Ủy viên Bộ Chính trị	Member of the Political Bureau (Politburo Member)
Thường trực Ban Bí thư	Standing Board of the Secretariat (cơ quan Thường trực Ban Bí thư) Standing Member of the Secretariat (đồng chí Thường trực Ban Bí thư)
Ủy viên Ban Bí thư	Member of the Secretariat
Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng	Member of the Central Committee
Ủy viên dự khuyết Ban chấp hành Trung ương Đảng	Alternate Member of the Central Committee

Chủ nhiệm	Head / Chairman / Chairwoman (tuỳ ngữ cảnh)
Phó Chủ nhiệm	Deputy Head / Vice Chairman / Vice Chairwoman (tuỳ ngữ cảnh)
Chủ tịch	President / Chairman / Chairwoman (tuỳ ngữ cảnh)
Trưởng Ban	Chair/ Chairman/ Chairwoman of Commission (tuỳ ngữ cảnh)
Phó Trưởng Ban	Deputy Chair/ Chairman/ Chairwoman of Commission (tuỳ ngữ cảnh)
Chánh Văn phòng	Chief of Office
Phó Chánh Văn phòng	Deputy Chief of Office
Giám đốc	Director
Phó Giám đốc	Deputy Director
Tổng Biên tập	Editor-in-Chief
Phó Tổng Biên tập	Deputy Editor-in-Chief
Ủy viên	Member
Trợ lý	Assistant
Thư ký	Secretary

4. Các cơ quan thuộc khối tổ chức Đảng

Tiếng Việt	Tiếng Anh
Quân uỷ Trung ương	Central Military Commission
Đảng uỷ Công an Trung ương	Executive Committee of the Public Security CPV Organisation

Đảng uỷ Chính phủ	Executive Committee of the Government CPV Organisation
Đảng uỷ khối các Cơ quan Trung ương	Executive Committee of CPV Organisations of Central-level Agencies' Group
Đảng uỷ Quốc hội	Executive Committee of the National Assembly CPV Organisation
Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc	Executive Committee of the Viet Nam Fatherland Front CPV Organisation

5. Các tổ chức Đảng/ chức danh trong tổ chức Đảng của các Bộ

Tiếng Việt	Tiếng Anh
Đảng uỷ Bộ	Executive Committee of the Ministry CPV Organisation/ Ministry CPV Committee
Ban Thường vụ Đảng uỷ Bộ	Executive Bureau of the Ministry CPV Committee
Thường trực Đảng uỷ Bộ	- Standing Board of the Ministry CPV Committee (cơ quan Thường trực Đảng uỷ Bộ) - Standing Member of the Ministry CPV Committee (đồng chí Thường trực Đảng uỷ Bộ)
Bí thư Đảng uỷ Bộ	Secretary of the Ministry CPV Committee
Phó Bí thư Thường trực Đảng uỷ Bộ	Standing Deputy Secretary of the Ministry CPV Committee
Phó Bí thư Chuyên trách	Deputy Secretary in charge of Party affairs
Phó Bí thư Đảng uỷ Bộ	Deputy Secretary of the Ministry CPV Committee
Ủy viên Ban Thường vụ Đảng uỷ	Member of the Executive Bureau of the CPV Committee

Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ	Member of the Executive Committee of the CPV Organisation
Đảng bộ Bộ	CPV Organisation of the Ministry
Đảng bộ cơ sở	Grassroots CPV Organisation
Văn phòng Đảng ủy	Office of the Party Committee
Chi bộ	Party Cell
Chi uỷ	Party Cell Committee
Bí thư Chi bộ	Secretary of the Party Cell
Phó Bí thư Chi bộ	Deputy Secretary of the Party Cell
Chi uỷ viên	Member of the Party Cell Committee
Đảng ủy cơ sở	Grassroots Party Committee
Bí thư Đảng ủy cơ sở	Secretary of the Grassroots Party Committee
Phó Bí thư Đảng ủy cơ sở	Deputy Secretary of the Grassroots Party Committee
Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy	Head of the Inspection Commission of the Party Committee
Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy	Deputy Head of the Inspection Commission of the Party Committee
Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy	Member of the Inspection Commission of the Party Committee
Ban Tổ chức Đảng ủy	Organization Commission of the Party Committee
Trưởng Ban Tổ chức Đảng ủy	Chair of the Organization Commission of the Party Committee

Ban Tuyên giáo và Dân vận Đảng uỷ	Commission for Publicity and Mass Mobilization of the Party Committee
Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Đảng uỷ	Chair of the Commission for Publicity and Mass Mobilization of the Party Committee

6. Tên của các đơn vị sự nghiệp công lập của Ban Chấp hành Trung ương Đảng

Tiếng Việt	Tiếng Anh	Viết tắt tiếng Anh (nếu có)
Thông tấn xã Việt Nam	Viet Nam News Agency	VNA
Đài Tiếng nói Việt Nam	Voice of Viet Nam	VOV
Đài Truyền hình Việt Nam	Viet Nam Television	VTV
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Viet Nam Academy of Science and Technology	VAST
Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam	Viet Nam Academy of Social Sciences	VASS

7. Chức danh của Lãnh đạo các đơn vị sự nghiệp công lập của Ban Chấp hành Trung ương Đảng

Tiếng Việt	Tiếng Anh
Tổng Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam	General Director of Viet Nam News Agency
Phó Tổng Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam	Deputy General Director of Viet Nam News Agency
Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam	General Director of Voice of Viet Nam

Phó Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam	Deputy General Director of Voice of Viet Nam
Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam	General Director of Viet Nam Television
Phó Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam	Deputy General Director of Viet Nam Television
Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	President of Viet Nam Academy of Science and Technology
Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Vice President of Viet Nam Academy of Science and Technology
Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam	President of Viet Nam Academy of Social Sciences
Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam	Vice President of Viet Nam Academy of Social Sciences

8. Tên của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, cơ quan do Quốc hội thành lập

Tên tiếng Việt	Tên tiếng Anh	Viết tắt tiếng Anh (nếu có)
Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	National Assembly of the Socialist Republic of Viet Nam	NA
Ủy ban Thường vụ Quốc hội	Standing Committee of the National Assembly	
Hội đồng Dân tộc	Council of Ethnic Affairs	CEA
Ủy ban Pháp luật và Tư pháp	Committee for Legal and Judicial Affairs	CLJA

Ủy ban Kinh tế và Tài chính	Committee for Economic and Financial Affairs	CEFA
Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại	Committee for National Defence, Security and External Relations	CNDSER
Ủy ban Văn hóa và Xã hội	Committee for Cultural and Social Affairs	CCSA
Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường	Committee for Science, Technology and Environment	CSTE
Ủy ban Công tác Đại biểu	Committee for Deputies Affairs	CDA
Ủy ban Dân nguyện và Giám sát	Committee for Public Petitions and Supervision	CPPS
Văn phòng Quốc hội	Office of the National Assembly	ONA
Đoàn Đại biểu Quốc hội	Delegation of the National Assembly	
Kiểm toán Nhà nước	State Audit Office (of Viet Nam)	SAV

9. Chức danh của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, cơ quan do Quốc hội thành lập

Tiếng Việt	Tiếng Anh
Chủ tịch Quốc hội	President of the National Assembly
Phó Chủ tịch Quốc hội	Vice President of the National Assembly
Ủy viên Ủy Ban Thường vụ Quốc hội	Member of the Standing Committee of the National Assembly
Tổng Thư ký	Secretary-General

Chủ nhiệm	Chairman/ Chairwoman
Phó Chủ nhiệm	Vice Chairman/ Chairwoman
Chủ tịch	Chair
Phó Chủ tịch	Vice Chair
Trưởng đoàn	Head
Phó Trưởng đoàn	Deputy Head
Ủy viên	Member
Đại biểu	Deputy
Tổng Kiểm toán Nhà nước	Auditor General
Phó Tổng Kiểm toán Nhà nước	Deputy Auditor General

10. Chức danh Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước

Tiếng Việt	Tiếng Anh
Chủ tịch nước	President
Phó Chủ tịch nước	Vice President

11. Văn phòng Chủ tịch nước và chức danh Lãnh đạo Văn phòng

Tiếng Việt	Tiếng Anh
Văn phòng Chủ tịch nước	Office of the President
Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước	Chairman/ Chairwoman of the Office of the President
Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước	Vice Chairman/ Chairwoman of the Office of the President

12. Tên của Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ

Tiếng Việt	Tiếng Anh	Viết tắt tiếng Anh (nếu có)
Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Government of the Socialist Republic of Viet Nam	GOV
Bộ Quốc phòng	Ministry of National Defence	MND
Bộ Công an	Ministry of Public Security	MPS
Bộ Ngoại giao	Ministry of Foreign Affairs	MOFA
Bộ Nội vụ	Ministry of Home Affairs	MOHA
Bộ Tư pháp	Ministry of Justice	MOJ
Bộ Tài chính	Ministry of Finance	MOF
Bộ Công Thương	Ministry of Industry and Trade	MOIT
Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Ministry of Agriculture and Environment	MAE
Bộ Xây dựng	Ministry of Construction	MOC
Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Ministry of Culture, Sports and Tourism	MOCST
Bộ Khoa học và Công nghệ	Ministry of Science and Technology	MST
Bộ Giáo dục và Đào tạo	Ministry of Education and Training	MOET
Bộ Y tế	Ministry of Health	MOH
Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Ministry of Ethnic and Religious Affairs	MERA

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	The State Bank of Viet Nam	SBV
Thanh tra Chính phủ	Government Inspectorate	GI
Văn phòng Chính phủ	Office of the Government	GO

13. Chức danh Thủ tướng, Phó Thủ tướng Chính phủ, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ

Tiếng Việt	Tiếng Anh
Thủ tướng Chính phủ	Prime Minister
Phó Thủ tướng thường trực	Standing Deputy Prime Minister
Phó Thủ tướng	Deputy Prime Minister
Bộ trưởng Bộ Quốc phòng	Minister of National Defence
Bộ trưởng Bộ Công an	Minister of Public Security
Bộ trưởng Bộ Ngoại giao	Minister of Foreign Affairs
Bộ trưởng Bộ Nội vụ	Minister of Home Affairs
Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Minister of Justice
Bộ trưởng Bộ Tài chính	Minister of Finance
Bộ trưởng Bộ Công Thương	Minister of Industry and Trade
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Minister of Agriculture and Environment
Bộ trưởng Bộ Xây dựng	Minister of Construction
Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Minister of Culture, Sports and Tourism

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Minister of Science and Technology
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	Minister of Education and Training
Bộ trưởng Bộ Y tế	Minister of Health
Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Minister of Ethnic and Religious Affairs
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Governor of the State Bank of Viet Nam
Tổng Thanh tra Chính phủ	Inspector-General
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ	Minister, Chairman/ Chairwoman of the Office of the Government

14. Tên chung của các đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ

Tiếng Việt	Tiếng Anh
Văn phòng Bộ	Cách dịch chính thức: Office of the Ministry of (X) Cách dịch tắt: Office of the Ministry/ Ministry Office
Thanh tra Bộ	Cách dịch chính thức: Inspectorate of the Ministry of (X) Cách dịch tắt: Ministry Inspectorate
Tổng cục	General Department
Ủy ban	Committee/ Commission
Cục (loại 1)	Authority
Cục (loại 2)	Directorate/ Department
Vụ	Department

Học viện	Academy
Viện	Institute
Trung tâm	Center
Ban	Board
Phòng	Division
Vụ Tổ chức Cán bộ	Department of Personnel and Organization
Vụ Pháp chế	Department of Legal Affairs
Vụ Hợp tác quốc tế	Department of International Cooperation

15. Chức danh từ cấp thứ trưởng và tương đương đến chuyên viên các bộ, cơ quan ngang bộ

Tiếng Việt	Tiếng Anh
Phó Tổng Thanh tra Thường trực Thanh tra Chính phủ	Permanent/ Standing Deputy Inspector-General
Phó Tổng Thanh tra Thanh tra Chính phủ	Deputy Inspector-General
Thứ trưởng Thường trực	Permanent/ Standing Vice Minister
Thứ trưởng	Deputy/ Vice Minister ¹
Phó Chủ nhiệm Thường trực	Permanent/ Standing Vice Chairman/ Chairwoman
Phó Chủ nhiệm	Vice Chairman/ Chairwoman
Trợ lý Bộ trưởng	Assistant Minister

¹ Riêng với Bộ Quốc phòng, Vice Minister thường được dịch cho chức danh Tổng Tham mưu trưởng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng.

Chủ nhiệm Ủy ban	Chairman/ Chairwoman of (X) Committee
Phó Chủ nhiệm Ủy ban	Vice Chairman/ Chairwoman of (X) Committee
Chủ tịch Ủy ban	President of (X) Committee
Phó Chủ tịch Ủy ban	President of (X) Committee
Chánh Văn phòng Bộ	Chief of the Ministry Office
Phó Chánh Văn phòng Bộ	Deputy Chief of the Ministry Office
Tổng Cục trưởng	Chief of the General Department
Phó Tổng Cục trưởng	Deputy Chief of the General Department
Cục trưởng	Director-General
Phó Cục trưởng	Deputy Director-General
Vụ trưởng	Director-General
Phó Vụ trưởng	Deputy Director-General
Trưởng ban	Chief Commissioner
Phó Trưởng ban	Vice Chief Commissioner
Giám đốc Học viện	President of Academy
Phó Giám đốc Học viện	Vice President of Academy
Viện trưởng	Director of Institute
Phó Viện trưởng	Deputy Director of Institute
Giám đốc Trung tâm	Director of Center

Phó giám đốc Trung tâm	Deputy Director of Center
Trưởng phòng	Head of Division
Phó trưởng phòng	Deputy Head of Division
Chuyên viên cao cấp	Senior Officer
Chuyên viên chính	Principal Officer
Chuyên viên	Desk Officer
Thanh tra viên cao cấp	Senior Inspector
Thanh tra viên chính	Principal Inspector
Thanh tra viên	Inspector

16. Tên của các đơn vị và chức danh lãnh đạo của các đơn vị thuộc đơn vị cấp tổng cục, cục, vụ, viện

Tiếng Việt	Tiếng Anh
Văn phòng	Office
Chánh Văn phòng	Chief of Office
Phó Chánh Văn phòng	Deputy Chief of Office
Cục	Department
Cục trưởng	Director-General
Phó Cục trưởng	Deputy Director-General
Vụ	Department
Vụ trưởng	Director-General
Phó Vụ trưởng	Deputy Director-General

Ban	Board
Trưởng Ban	Head
Phó Trưởng Ban	Deputy Head
Chi cục	Branch
Chi cục trưởng	Manager
Chi cục phó	Deputy Manager
Phòng	Division
Trưởng phòng	Head of Division
Phó Trưởng phòng	Deputy Head of Division

17. Tên của các cơ quan tư pháp, kiểm sát

Tiếng Việt	Tiếng Anh
Tòa án nhân dân tối cao	Supreme People's Court
Viện kiểm sát nhân dân tối cao	Supreme People's Procuracy

18. Chức danh các cơ quan tư pháp, kiểm sát

Tiếng Việt	Tiếng Anh
Chánh án	Chief Justice
Phó Chánh án	Vice Chief Justice
Thẩm phán	Judge/ Justice

Viện trưởng	President of the Procuracy
Phó Viện trưởng	Vice-President of the Procuracy
Kiểm sát viên	Procurator

19. Tên của các cơ quan Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị-xã hội

Tiếng Việt	Tiếng Anh
Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Cách dịch chính thức: Central Committee of the Viet Nam Fatherland Front Cách dịch tắt: Viet Nam Fatherland Front Central Committee
Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Standing Committee of the Viet Nam Fatherland Front
Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam	Viet Nam General Confederation of Labor
Hội Nông dân Việt Nam	Viet Nam Farmers' Union
Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	Viet Nam Women's Union
Hội Cựu Chiến binh Việt Nam	Veteran's Association of Viet Nam
Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Communist Youth Union (HCYU)

20. Chức danh các cơ quan Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị-xã hội

Tiếng Việt	Tiếng Anh
Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	President of the Central Committee of the Viet Nam Fatherland Front
Phó Chủ tịch	Vice President
Tổng Thư ký	Secretary-General
Chủ tịch	President
Phó Chủ tịch	Vice President
Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	First Secretary of the Central Committee of the Ho Chi Minh Communist Youth Union/First Secretary of HCYU Central Committee
Bí thư thường trực Ban Chấp hành Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	Standing/Permanent Secretary of the Central Committee of the Ho Chi Minh Communist Youth Union / Standing/Permanent Secretary of HCYU Central Committee
Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	Secretary of the Central Committee of the Ho Chi Minh Communist Youth Union/Secretary of HCYU Central Committee
Bí thư	Secretary

21. Tên các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương

Tiếng Việt	Tiếng Anh
Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam	Viet Nam Union of Science and Technology Associations
Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam	Viet Nam Union of Literature and Arts Associations

Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam	Viet Nam Union of Friendship Organizations
Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	Viet Nam Chamber of Commerce and Industry
Liên minh Hợp tác xã Việt Nam	Viet Nam Cooperative Alliance
Hội Chữ thập đỏ Việt Nam	Viet Nam Red Cross Society
Hội Nhà báo Việt Nam	Viet Nam Journalists' Association
Hội Nhà văn Việt Nam	Viet Nam Writers' Association
Hội Luật gia Việt Nam	Viet Nam Lawyers' Association
Liên đoàn Luật sư Việt Nam	Viet Nam Bar Federation
Hội Người cao tuổi Việt Nam	Viet Nam Association of the Elderly
Hội Cựu Công an nhân dân Việt Nam	Viet Nam Association of Former People's Public Security Officers
Hội Cựu thanh niên xung phong Việt Nam	Viet Nam Association of Former Youth Volunteers
Hội Khuyến học Việt Nam	Viet Nam Association for Promoting Education
Hội Người mù Việt Nam	Viet Nam Blind Association
Hội Bảo trợ người khuyết tật Việt Nam	Viet Nam Association for the Support of Persons with Disabilities
Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam	Viet Nam Association for Victims of Agent Orange/Dioxin

Hội Đông Y Việt Nam	Viet Nam Traditional Medicine Association
Tổng hội Y học Việt Nam	Viet Nam Medical Association
Hội Kiến trúc sư Việt Nam	Viet Nam Association of Architects
Hội Mỹ thuật Việt Nam	Viet Nam Fine Arts Association
Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam	Viet Nam Stage Artists Association
Hội Nhạc sĩ Việt Nam	Viet Nam Musicians' Association
Hội Khoa học lịch sử Việt Nam	Viet Nam Association of Historical Sciences
Hội Nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam	Viet Nam Association of Photographic Artists
Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam	Viet Nam Folklore Arts Association
Hội Điện ảnh Việt Nam	Viet Nam Cinema Association
Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam	Viet Nam Dance Artists' Association
Hội Văn học Nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam	Viet Nam Association of Literature and Arts of Ethnic Minorities

22. Chức danh các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương

Tiếng Việt	Tiếng Anh
Chủ tịch	President
Phó Chủ tịch	Vice President

23. Tên thủ đô, thành phố, tỉnh, xã, phường và các đơn vị trực thuộc

Thủ đô Hà Nội	Ha Noi
Thành phố Ví dụ: Thành phố Hồ Chí Minh	City Ho Chi Minh City
Thành phố trực thuộc Trung ương	Centrally-Governed City
Tỉnh Ví dụ: tỉnh Hưng Yên	Province Hung Yen Province
Xã Ví dụ: Xã Đông Anh	Commune Dong Anh Commune
Phường Ví dụ: Phường Hoàn Kiếm	Ward Hoan Kiem Ward
Đặc khu Ví dụ: Đặc khu Cô Tô	Special Zone/ Region Co To Special Zone

24. Tên các cơ quan cấp địa phương

Tiếng Việt	Tiếng Anh
Ban Chấp hành Đảng Bộ Ví dụ: Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Hải Phòng (Thành ủy Hải phòng)	Executive Committee of the Party Committee Executive Committee of the Hai Phong Municipal Party Committee
Ban Thường vụ Ví dụ: Ban Thường vụ Thành ủy Hải phòng	Standing Committee Standing Committee of the Hai Phong Municipal Party Committee
Thường trực Ví dụ:	Standing Board

Thường trực Thành ủy Hải Phòng	The Standing Board of the Hai Phong Municipal Party Committee
Ủy ban nhân dân (các cấp từ thành phố trực thuộc Trung ương, tỉnh đến xã, phường) Ví dụ: - Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh - Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên - Ủy ban nhân dân xã Đông Anh - Ủy ban nhân dân phường Hoàn Kiếm	People's Committee - People's Committee of Ho Chi Minh City - People's Committee of Hung Yen Province - People's Committee of Dong Anh Commune - People's Committee of Hoan Kiem Ward
Hội đồng Nhân dân Ví dụ: Hội đồng Nhân dân thành phố Hải Phòng	People's Council Hai Phong Municipal People's Council
Thường trực Hội đồng Nhân dân	Standing Board of the People's Council
Thanh tra Tỉnh Ví dụ: - Thanh tra tỉnh Quảng Ninh	Inspectorate of (x) Province Inspectorate of Quang Ninh Province
Văn phòng	Office
Sở Ví dụ: Sở Ngoại vụ Đà Nẵng	Department Da Nang External Relations Department
Ban	Board
Phòng (trực thuộc UBND)	Section

25. Chức danh lãnh đạo, cán bộ, công chức chính quyền địa phương các cấp

Tiếng Việt	Tiếng Anh
Bí thư Ví dụ: - Bí thư Tỉnh ủy Hưng Yên - Bí thư Đảng ủy xã Đông Anh	Secretary Secretary of Party Committee of Hung Yen Province Secretary of Party Committee of Dong Anh Commune
Phó Bí thư Thường trực	Standing Deputy Secretary
Phó Bí thư	Deputy Secretary
Ủy viên Ban Thường vụ	Member of the Standing Committee
Chủ tịch Ủy ban nhân dân Ví dụ: - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Huế - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đông Anh - Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Hoàn Kiếm	Chairman/ Chairwoman of the People's Committee Chairman/ Chairwoman of People's Committee of Ha Noi City Chairman/ Chairwoman of People's Committee of Ho Chi Minh City Chairman/ Chairwoman of People's Committee of Hung Yen Province Chairman/ Chairwoman of People's Committee of Hue City Chairman/ Chairwoman of People's Committee of Dong Anh Commune Chairman/ Chairwoman of People's Committee of Hoan Kiem Ward
Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân	Standing/ Permanent Vice Chairman/Chairwoman of the People's Committee

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân	Vice Chairman/ Chairwoman of the People's Committee
Ủy viên Ủy ban nhân dân	Member of the People's Committee
Chủ tịch Hội đồng Nhân dân	Chairman/ Chairwoman of the People's Council
Phó Chủ tịch Hội đồng Nhân dân	Vice Chairman/ Chairwoman of the People's Council
Giám đốc Sở	Director of Department
Phó Giám đốc Sở	Deputy Director of Department
Chánh Văn phòng	Chief of Office
Phó Chánh Văn phòng	Deputy Chief of Office
Chánh Thanh tra	Chief Inspector
Phó Chánh Thanh tra	Deputy Chief Inspector
Trưởng phòng	Head of Division
Phó Trưởng phòng	Deputy Head of Division
Chuyên viên cao cấp	Senior Officer
Chuyên viên chính	Principal Officer
Chuyên viên	Desk Officer

26. Thẩm quyền kèm chức danh chính

Tiếng Việt	Tiếng Anh
Quyền	Acting
Ví dụ:	
Quyền Cục trưởng	Acting Director

Quyền Phó Cục trưởng	Acting Deputy Director
Thường trực Ví dụ: Phó Trưởng ban Thường trực Thứ trưởng Thường trực	Standing/ Permanent Permanent/ Standing Deputy Head Permanent/ Standing Deputy Minister
Phụ trách Ví dụ: Phó Cục/Vụ trưởng phụ trách	In-charge Deputy Director in-charge of (x)
Chuyên trách Ví dụ: Phó Chủ tịch chuyên trách	In charge of (X) Ví dụ: Vice Chairman/ Chairwoman in charge of (x)

* Ghi chú:

- Danh từ “Viet Nam” tiếng Anh chuyển sang tính từ là “Vietnamese”
- “Người Việt Nam” dịch sang tiếng Anh là “Vietnamese”
- Sở hữu cách của danh từ “Viet Nam” là “Viet Nam’s”